

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

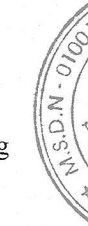
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
(đã được kiểm toán)

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

NỘI DUNG

Trang

PHẦN I	BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
	Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
	Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 05
	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 28
	Bảng cân đối kế toán	06 - 08
	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
	Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 28
PHẦN II	BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ	29 - 30
PHẦN III	BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ TÍNH TUÂN THỦ	31 - 32
PHẦN IV	THƯ QUẢN LÝ	33 - 36



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

CÔNG TY

Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3604000018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp ngày 15 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 15 tháng 11 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 05, Đường Hải Dương, TP Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên.

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Phú	Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Thuận	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Phú Liệu	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

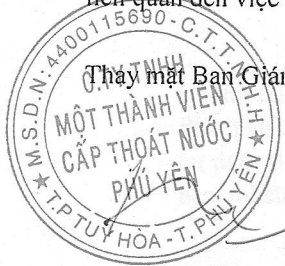
CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Phú

Giám đốc

Phú Yên, ngày 23 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên được lập ngày 23 tháng 03 năm 2015, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Quốc tế. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Báo cáo kiểm toán năm 2013 Kiểm toán viên đưa ý kiến ngoại trừ chi phí khấu hao đối với Tài sản cố định nhận bàn giao từ Dự án thứ 3 Cấp nước và Vệ sinh các thị xã thị trấn - tỉnh Phú Yên (ADB3) chưa được ghi nhận vào Kết quả kinh doanh trong năm 2013 là 1.359.367.739 VND. Do đó, số đầu năm và số cuối năm của chỉ tiêu Giá trị hao mòn lũy kế trên Bảng Cân đối Kế toán tại ngày 31/12/2014 đang phản ánh thiếu số tiền tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán theo Báo cáo kiểm toán số 676/2014/BC.KTTC-AASC.KT1 ngày 25 tháng 3 năm 2014. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ chi phí khấu hao đối với Tài sản cố định nhận bàn giao từ Dự án ADB3 chưa được ghi nhận vào Kết quả kinh doanh trong năm 2013 với tổng số tiền là 1.359.367.739 VND.

Theo kế hoạch số 69/KH-UBND của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Phú Yên ngày 07 tháng 05 năm 2014 về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên, thời điểm xác định giá trị Doanh nghiệp để cổ phần hóa tại 30/06/2014. Theo đó, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi theo TT 228/BTC của Bộ Tài Chính ngày 17 tháng 12 năm 2009 vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Báo cáo này lập trong khuôn khổ cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính của Dự án "Phát triển đô thị vừa và nhỏ miền Trung", chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho Ngân hàng Phát triển Châu Á, Ban Giám đốc, Ban Quản lý Dự án và các bên liên quan trong khuôn khổ hợp đồng kiểm toán ký với Ban Quản lý Dự án.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2015

Phạm Anh Tuấn

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		57.041.367.316	58.094.211.411
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	41.659.762.300	30.359.758.791
111 1. Tiền		2.759.762.300	5.059.758.791
112 2. Các khoản tương đương tiền		38.900.000.000	25.300.000.000
120 II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	7.875.355.997	7.000.000.000
121 1. Đầu tư ngắn hạn		7.875.355.997	7.000.000.000
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.829.620.305	5.088.567.867
131 1. Phải thu khách hàng		2.247.977.771	1.484.536.074
132 2. Trả trước cho người bán		476.625.251	535.002.000
135 5. Các khoản phải thu khác	5	1.105.017.283	3.243.219.734
139 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(174.189.941)
140 IV. Hàng tồn kho	6	3.253.881.942	3.466.372.317
141 1. Hàng tồn kho		3.253.881.942	3.466.372.317
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		422.746.772	12.179.512.436
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	303.472.917	152.243.623
154 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		15.565.966	-
158 5. Tài sản ngắn hạn khác	8	103.707.889	12.027.268.813
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		320.310.485.215	331.731.798.598
220 II. Tài sản cố định		310.163.907.860	324.161.662.950
221 1. Tài sản cố định hữu hình	9	308.923.680.344	323.277.406.852
222 - Nguyên giá		397.366.614.698	400.588.855.157
223 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(88.442.934.354)	(77.311.448.305)
227 3. Tài sản cố định vô hình	10	237.432.664	131.886.535
228 - Nguyên giá		312.513.693	393.266.251
229 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(75.081.029)	(261.379.716)
230 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	1.002.794.852	752.369.563
250 IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	2.000.000.000	-
258 3. Đầu tư dài hạn khác		2.000.000.000	-
260 V. Tài sản dài hạn khác		8.146.577.355	7.570.135.648
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	13	8.146.577.355	7.570.135.648
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		377.351.852.531	389.826.010.009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

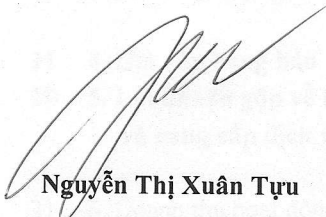
(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
300 A. NỢ PHẢI TRẢ		178.730.643.612	194.753.632.573
310 I. Nợ ngắn hạn		20.772.836.138	22.763.995.455
311 1. Vay và nợ ngắn hạn	14	13.330.394.344	13.011.440.930
312 2. Phải trả người bán		1.589.890.144	3.197.065.527
313 3. Người mua trả tiền trước		-	526.116.093
314 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	766.726.004	653.486.952
315 5. Phải trả người lao động		2.189.780.484	2.138.164.402
316 6. Chi phí phải trả	16	1.355.317.319	1.076.382.912
319 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	343.592.053	211.977.439
323 11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.197.135.790	1.949.361.200
330 II. Nợ dài hạn		157.957.807.474	171.989.637.118
334 4. Vay và nợ dài hạn	18	157.938.113.838	171.981.455.300
338 8. Doanh thu chưa thực hiện		19.693.636	8.181.818
400 B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		198.621.208.919	195.072.377.436
410 I. Vốn chủ sở hữu	19	187.861.938.931	184.536.418.283
411 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		180.953.308.211	180.719.022.756
413 3. Vốn khác của chủ sở hữu		1.600.197.668	1.600.197.668
417 7. Quỹ đầu tư phát triển		2.032.962.650	2.217.197.859
420 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.275.470.402	-
430 II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác		10.759.269.988	10.535.959.153
433 3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	20	10.759.269.988	10.535.959.153
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		377.351.852.531	389.826.010.009

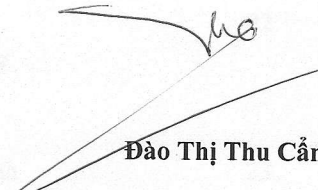
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
4. Nợ khó đòi đã xử lý		264.172.632	197.340.232

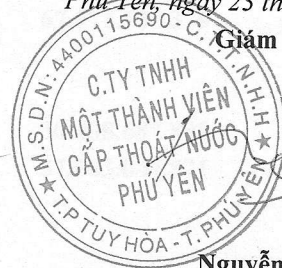
Người lập biểu


Nguyễn Thị Xuân Tựu

Kế toán trưởng


Đào Thị Thu Cầm

Phú Yên, ngày 23 tháng 03 năm 2015



Nguyễn Phú

TIÊU
ĐNG
NHÌM
KIỂM
AAS
KIỂM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		67.971.735.379	61.101.009.950
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	67.971.735.379	61.101.009.950
11	4. Giá vốn hàng bán	22	30.408.687.808	31.673.617.156
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		37.563.047.571	29.427.392.794
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	3.005.887.698	3.836.799.315
22	7. Chi phí tài chính	24	11.038.475.556	11.744.513.915
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		11.038.475.556	11.744.513.915
24	8. Chi phí bán hàng	25	14.605.022.368	13.550.166.139
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	8.405.269.483	5.562.708.721
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.520.167.862	2.406.803.334
31	11. Thu nhập khác	27	102.947.940	167.721.109
32	12. Chi phí khác	28	2.399.909.417	74.524.443
40	13. Lợi nhuận khác		(2.296.961.477)	93.196.666
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.223.206.385	2.500.000.000
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	950.413.647	637.822.126
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>3.272.792.738</u>	<u>1.862.177.874</u>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Xuân Tựu

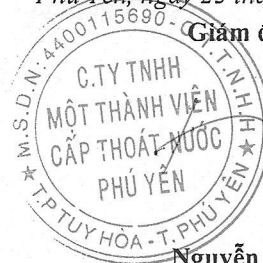
Kế toán trưởng

Đào Thị Thu Cấn

Phú Yên, ngày 23 tháng 03 năm 2015

Giám đốc

Nguyễn Phú



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

Theo phương pháp gián tiếp

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	4.223.206.385	2.500.000.000
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao tài sản cố định	9 ;10; 14.994.871.423	14.116.306.662
03	- Các khoản dự phòng	(98.460.041)	174.189.941
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	23; 24; 27; 28 (561.231.744)	(3.836.799.315)
06	- Chi phí lãi vay	24 11.038.475.556	11.744.513.915
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	29.596.861.579	24.698.211.203
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu	1.071.174.979	324.745.304
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho	212.490.375	(829.681.629)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(756.818.822)	(839.408.859)
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước	(221.645.851)	355.775.938
13	- Tiền lãi vay đã trả	(11.024.810.066)	(11.110.188.253)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(911.170.494)	(611.340.683)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	12.039.169.000	127.047.979
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(726.771.500)	(12.888.144.094)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	29.278.479.200	(772.983.094)
II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(4.578.846.926)	(2.810.330.577)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(16.475.355.997)	(33.631.861.111)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	13.600.000.000	43.631.861.111
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	3.200.115.280	3.884.122.982
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(4.254.087.643)	11.073.792.405




III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH


34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(13.724.388.048)	(11.885.503.154)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(13.724.388.048)	(11.885.503.154)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	11.300.003.509	(1.584.693.843)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	30.359.758.791	31.944.452.634
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	30.359.758.791

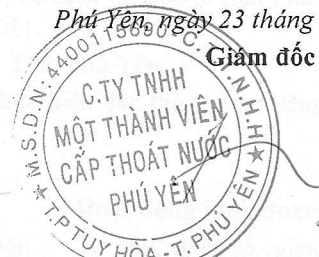
Người lập biểu

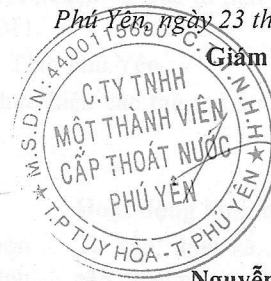
Kế toán trưởng

Phú Yên, ngày 23 tháng 03 năm 2015


Nguyễn Thị Xuân Tụ


Đào Thị Thu Cẩm

Giám đốc

Nguyễn Phú



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3604000018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp ngày 15 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 15 tháng 11 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 05, Đường Hải Dương, TP Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên.

Vốn điều lệ của Công ty là 77.374.485.269 VND. Công ty đang thực hiện các thủ tục xin tăng vốn điều lệ tuy nhiên chưa nhận được quyết định phê duyệt của UBND tỉnh Phú Yên.

Công ty có đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên – Xí nghiệp Tư vấn Cấp thoát nước và môi trường

Địa chỉ

Số 05 Hải Dương, Thôn Ngọc Phước, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh chính

Tư vấn, thiết kế, giám sát... hệ thống cấp thoát nước và môi trường.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và phân phối nước sạch;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất các sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết ngành nghề kinh doanh: Hoạt động vệ sinh môi trường (Dịch vụ thoát nước đô thị).

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và sổ dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	10 - 30 năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 06 năm
- Vườn cây lâu năm	05 năm
- Phần mềm máy tính	08 năm

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

2.10 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế được tạm phân phối theo các quy định tại Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP.

2.14 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu lắp đặt, di dời hệ thống cấp thoát nước

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo khối lượng xây lắp hoàn thành và được khách hàng chấp nhận.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.15 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.16 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

2.17 . Các bên liên quan

Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	24.026.981	209.428.238
Tiền gửi ngân hàng	2.735.735.319	4.850.330.553
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	38.900.000.000	25.300.000.000
	<u>41.659.762.300</u>	<u>30.359.758.791</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản tiền gửi có kỳ hạn hoặc tương đương tiền có giá trị 38.900.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng, lãi suất từ 4,5%/năm đến 5,75%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần với kỳ hạn từ 4 đến 6 tháng, lãi suất từ 5,1%/năm đến 6,4%/năm.

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	137.817.591	-
Phải thu khác	967.199.692	3.243.219.734
<i>Phải thu BQLDA cấp nước (cho vay không tính lãi)</i>	300.000.000	2.363.822.181
<i>Phải thu tiền lãi tiền gửi có kỳ hạn</i>	334.237.720	528.465.302
<i>Phải thu các trạm cấp nước về tiền nước đã thu của khách hàng chưa nộp về công ty</i>	297.089.386	240.605.437
<i>Phải thu tiền hỗ trợ từ Sở Khoa học Công nghệ</i>	10.000.000	-
<i>Thuế GTGT đầu vào chưa có hoá đơn</i>	-	108.036.182
<i>Phải thu khác</i>	25.872.586	2.290.632
	<u>1.105.017.283</u>	<u>3.243.219.734</u>

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.022.870.296	2.801.943.238
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	231.011.646	664.429.079
	<u>3.253.881.942</u>	<u>3.466.372.317</u>

7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.575.000	21.166.367
Chi phí hóa chất xử lý nước	154.000.000	72.893.606
Chi phí bảo hiểm	29.564.500	47.875.977
Chi phí in hóa đơn tiền nước	52.000.000	-
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	5.500.000	-
Chi phí khác	15.833.417	10.307.673
	<u>303.472.917</u>	<u>152.243.623</u>

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	6.052.948
Tạm ứng	103.707.889	21.215.865
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	12.000.000.000
	<u>103.707.889</u>	<u>12.027.268.813</u>

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 1

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư đầu năm	393.266.251	393.266.251
Số tăng trong năm	245.637.455	245.637.455
- Mua TSCĐ trong năm	245.637.455	245.637.455
Số giảm trong năm	(326.390.013)	(326.390.013)
- Thanh lý, nhượng bán	(326.390.013)	(326.390.013)
Số dư cuối năm	312.513.693	312.513.693
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	261.379.716	261.379.716
Số tăng trong năm	57.012.914	57.012.914
- Khấu hao TSCĐ trong năm	57.012.914	57.012.914
Giảm trong năm	(243.311.601)	(243.311.601)
- Thanh lý, nhượng bán	(243.311.601)	(243.311.601)
Số dư cuối năm	75.081.029	75.081.029
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	131.886.535	131.886.535
Tại ngày cuối năm	237.432.664	237.432.664

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	881.976.670	265.072.465
- Xây dựng bản đồ Git	-	55.637.455
- Phân vùng tách mảng hệ thống cấp nước Sông Hinh	-	205.457.556
- Cải tạo các tuyến ống nội thị Sông Cầu	61.099.261	-
- Di dời hệ thống cấp nước thuộc dự án mở rộng quốc lộ 1A (*)	802.454.681	-
- Nâng cấp nhà máy nước Sông Cầu	5.695.455	-
- Xây dựng hệ thống cấp nước khu tái định cư	12.727.273	-
- Các công trình khác	-	3.977.454
Mua sắm TSCĐ	120.818.182	487.297.098
- Thiết bị vi sinh	-	487.297.098
- Máy in siêu tốc	1.818.182	-
- Phần mềm kế toán	119.000.000	-
	1.002.794.852	752.369.563

(*) Công trình di dời hệ thống cấp nước thuộc dự án mở rộng quốc lộ 1A do Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên làm chủ đầu tư. Tổng dự toán công trình là 5.520.960.552 VND, địa điểm thi công tại thị xã Sông Cầu, huyện Tuy An, Thành phố Tuy Hòa.

12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư dài hạn khác là tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam với lãi suất 6,3 %/năm.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Số dư đầu năm	7.570.135.648	7.054.594.477
Số tăng trong năm	4.372.764.363	4.407.846.995
Số đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(3.796.322.656)	(3.892.305.824)
Số dư cuối năm	8.146.577.355	7.570.135.648
Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí sửa chữa di dời các tuyến ống, sửa chữa khác	203.020.844	971.400.997
Chi phí đấu nối, thay thế đồng hồ nước	6.369.739.834	6.011.908.906
Chi phí công cụ dụng cụ chưa phân bổ	1.183.502.931	586.825.745
Chi phí cấp phép, thẩm định và chi phí khác	227.236.892	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	163.076.854	-
	8.146.577.355	7.570.135.648

14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Nợ dài hạn đến hạn trả (chi tiết xem Thuyết minh số 18)	13.330.394.344	13.011.440.930
	13.330.394.344	13.011.440.930

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	240.323.839	177.466.906
Thuế thu nhập doanh nghiệp	338.136.745	298.893.592
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.410.802
Thuế tài nguyên	115.348.050	105.727.110
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	72.917.370	68.988.542
	766.726.004	653.486.952

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	1.046.989.092	1.033.323.602
Chi phí thẩm tra, quyết toán	308.328.227	43.059.310
	1.355.317.319	1.076.382.912

17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	11.895.000	-
Kinh phí công đoàn	6.057.898	6.259.890
Bảo hiểm xã hội	13.523.945	9.468.622
Các khoản phải trả, phải nộp khác	312.115.210	196.248.927
<i>Phải trả tiền cho dự án HABITAT</i>	<i>178.130.000</i>	<i>178.130.000</i>
<i>Phải nộp phí bảo vệ môi trường</i>	<i>46.112.122</i>	<i>6.535.631</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>87.873.088</i>	<i>11.583.296</i>
	343.592.053	211.977.439

18 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn	157.938.113.838	171.981.455.300
Vay ngân hàng	157.938.113.838	171.981.455.300
	157.938.113.838	171.981.455.300

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Hiệp định vay vốn AFD ngày 02/04/2002 giữa Bộ Tài chính và Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên. Hạn mức vay là 2.379.000 EUR. Lãi suất 5,8%/năm, lãi quá hạn 8,8%/năm. Thời hạn vay là 22 năm, thời gian ân hạn 6 năm. Khoản vay nhằm mục đích đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước. Số dư nợ gốc tại 31/12/2014 là 32.420.360.093 VND, trong đó nợ đến hạn trả trong năm 2015 là 3.412.669.482 VND.

Hiệp định vay phụ ngày 26/07/2002 giữa Bộ Tài chính và Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên: Hạn mức vay là 10.743.000 USD. Lãi suất 6%/năm, lãi quá hạn 7,8%/năm. Thời hạn vay là 22 năm, thời gian ân hạn 6 năm. Khoản vay nhằm mục đích đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước. Số dư nợ gốc tại 31/12/2014 là 138.848.148.089 VND, trong đó nợ đến hạn trả trong năm 2015 là 9.917.724.862 VND.

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

Xem chi tiết Phụ lục 2.

20 . NGUỒN KINH PHÍ ĐÃ HÌNH THÀNH TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định còn lại đầu năm	10.535.959.153	10.534.017.489
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định tăng trong năm	836.363.636	618.181.818
Hao mòn tài sản cố định trong năm	(613.052.801)	(616.240.154)
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	10.759.269.988	10.535.959.153

Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định từ đầu năm là hệ thống Cống thoát nước của Dự án ADB3 năm 2012 và ô tô tải có cần cầu bàn giao từ Dự án ADB4 phục vụ hoạt động thoát nước mưa tại thành phố Tuy Hoà thuộc nguồn vốn Ngân sách phục vụ hoạt động công ích của Thành phố Tuy Hoà, giao Công ty quản lý và sử dụng. Tổng Nguyên giá tài sản cố định và hao mòn lũy kế đến 31/12/2014 tương ứng là 11.706.621.280 VND và 1.740.538.646 VND.

Nguồn kinh phí hình thành tài sản cố định tăng trong năm là ô tô hút chất thải HINO bàn giao từ Dự án ADB4 phục vụ hoạt động xử lý chất thải tại thành phố Tuy Hoà. Nguyên giá và hao mòn lũy kế đến thời điểm 31/12/2014 của tài sản này lần lượt là 836.363.636 VND và 43.176.282 VND.

21 . DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu thuần bán hàng	62.889.558.826	54.744.621.612
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	880.784.552	1.391.016.158
Doanh thu lắp đặt, di dời hệ thống cấp thoát nước	4.201.392.001	4.965.372.180
	67.971.735.379	61.101.009.950

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn của hàng bán	27.663.440.361	27.351.684.238
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	342.567.953	948.901.830
Giá vốn của hoạt động lắp đặt, di dời hệ thống cấp thoát nước	2.402.679.494	3.373.031.088
	30.408.687.808	31.673.617.156

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.005.887.698	3.836.799.315
	3.005.887.698	3.836.799.315

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền vay	11.038.475.556	11.744.513.915
	<u>11.038.475.556</u>	<u>11.744.513.915</u>

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.197.463.741	3.162.529.967
Chi phí nhân công	3.273.127.797	3.280.896.890
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.040.730.600	7.012.613.174
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.473.685	47.934.580
Chi phí khác bằng tiền	46.226.545	46.191.528
	<u>14.605.022.368</u>	<u>13.550.166.139</u>

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	326.020.159	186.036.361
Chi phí nhân công	4.978.383.421	4.093.734.140
Chi phí khấu hao tài sản cố định	194.557.486	151.741.614
Thuế, phí, lệ phí (*)	1.882.724.508	10.068.172
Hoàn nhập dự phòng	(98.460.041)	174.189.941
Chi phí dịch vụ mua ngoài	394.613.739	215.572.629
Chi phí khác bằng tiền	727.430.211	731.365.864
	<u>8.405.269.483</u>	<u>5.562.708.721</u>

(*) Ngày 27/10/2014, Công ty nhận được thông báo số 2877/TB-CT ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Cục Thuế tỉnh Phú Yên về việc nộp tiền thuê đất bổ sung từ năm 2006 đến năm 2014 (trong đó, tổng số tiền thuê đất cho giai đoạn trước năm 2014 là 1.829.047.688 VND) do việc chuyển đổi hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất sang thuê đất công trình theo Quyết định số 155/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên. Theo Công văn số 1032/UBND-KT ngày 20/03/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh đã yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành rà soát lại khoản tiền thuê đất này. Do đó, Công ty tạm thời ghi nhận khoản thuế này vào năm 2014 và sẽ điều chỉnh lại số liệu phù hợp sau khi có kết luận cuối cùng của Ủy ban Nhân dân tỉnh.

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Bán phế liệu	21.964.239	118.616.721
Tiền bán cát phế liệu tại xí nghiệp	-	42.890.820
Nợ khó đòi đã xử lý thu hồi được	7.633.761	4.555.500
Doanh thu cho thuê tài sản	46.363.636	-
Tiền hỗ trợ nhận được	20.000.000	-
Thu nhập khác	6.986.304	1.658.068
	102.947.940	167.721.109

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Nộp phạt khai sai thuế , chậm nộp thuế	16.465.651	10.277.368
Chi phí thanh lý phế liệu	-	39.258.891
Chi phí vận chuyển bán phế liệu	5.090.904	24.509.091
Giá trị còn lại tài sản thanh lý	2.361.577.542	-
Chi phí khác	16.775.320	479.093
	2.399.909.417	74.524.443

29 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	4.223.206.385	2.500.000.000
Các khoản điều chỉnh tăng	96.855.645	51.288.504
- Chi phí không hợp lệ	96.855.645	51.288.504
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	4.320.062.030	2.551.288.504
Chi phí thuế TNDN hiện hành	950.413.647	637.822.126
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	63.440.543
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	298.893.592	208.971.606
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(911.170.494)	(611.340.683)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	338.136.745	298.893.592

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.659.762.300	-	30.359.758.791	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.352.995.054	-	4.727.755.808	(174.189.941)
Cho vay ngắn hạn	7.875.355.997	-	7.000.000.000	-
Cho vay dài hạn	2.000.000.000	-	-	-
	54.888.113.351	-	42.087.514.599	(174.189.941)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	171.268.508.182	184.992.896.230
Phải trả người bán, phải trả khác	1.933.482.197	3.409.042.966
Chi phí phải trả	1.355.317.319	1.076.382.912
	174.557.307.698	189.478.322.108

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2014				
Tiền và tương đương tiền	41.659.762.300	-	-	41.659.762.300
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.352.995.054	-	-	3.352.995.054
Cho vay ngắn hạn	7.875.355.997	-	-	7.875.355.997
Cho vay dài hạn	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
	52.888.113.351	2.000.000.000	-	54.888.113.351
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và tương đương tiền	30.359.758.791	-	-	30.359.758.791
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.553.565.867	-	-	4.553.565.867
Cho vay ngắn hạn	7.000.000.000	-	-	7.000.000.000
	41.913.324.658	-	-	41.913.324.658

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2014				
Vay và nợ	13.330.394.344	53.321.577.376	104.616.536.462	171.268.508.182
Phải trả người bán, phải trả khác	1.933.482.197	-	-	1.933.482.197
Chi phí phải trả	1.355.317.319	-	-	1.355.317.319
	16.619.193.860	53.321.577.376	104.616.536.462	174.557.307.698
Tại ngày 01/01/2014				
Vay và nợ	13.011.440.930	52.045.763.720	119.935.691.580	184.992.896.230
Phải trả người bán, phải trả khác	3.409.042.966	-	-	3.409.042.966
Chi phí phải trả	1.076.382.912	-	-	1.076.382.912
	17.496.866.808	52.045.763.720	119.935.691.580	189.478.322.108

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . THÔNG TIN KHÁC

Theo kế hoạch số 69/KH-UBND của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Phú Yên ngày 07 tháng 05 năm 2014 Công ty đã tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp để tiến hành cổ phần hóa tại thời điểm 30/06/2014. Thời gian dự kiến hoàn thành cổ phần hóa là 30/07/2015.

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
- Thu nhập của Ban Giám đốc	804.000.000	650.136.821

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

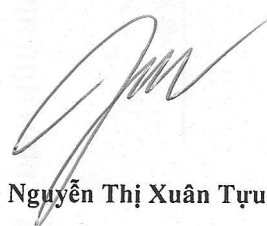
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay:

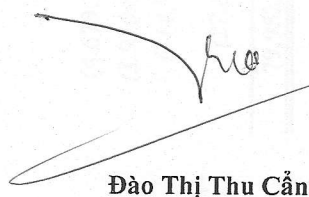
	<u>Mã số</u>	<u>Điều chỉnh lại</u>	<u>Đưa trình bày trên báo cáo năm trước</u>
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh			
- Giá vốn hàng bán	11	31.673.617.156	37.203.086.176
- Chi phí bán hàng	24	13.550.166.139	8.020.697.119

(1): Phân loại lại khấu hao Tài sản cố định

Người lập biểu

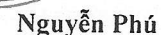

Nguyễn Thị Xuân Tựu

Kế toán trưởng


Đào Thị Thu Cẩn

Phú Yên, ngày 23 tháng 03 năm 2015




Nguyễn Phú

Phụ lục 1 : TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	83.649.933.919	56.334.301.972	260.406.962.601	161.197.574	36.459.091	400.588.855.157
Số tăng trong năm	981.468.829	692.145.940	28.536.820.618	1.740.343.995	-	31.950.779.382
- <i>Mua trong năm</i>	-	692.145.940	-	697.652.522	-	1.389.798.462
- <i>Đầu tư XDCB hoàn thành</i>	981.468.829	-	857.156.567	-	-	1.838.625.396
- <i>Nhận từ dự án ADB4</i>	-	-	836.363.636	-	-	836.363.636
- <i>Phân loại lại</i>	-	-	26.843.300.415	1.042.691.473	-	27.885.991.888
Số giảm trong năm	(4.679.386.357)	(26.629.698.867)	(3.746.924.315)	(117.010.302)	-	(35.173.019.841)
- <i>Phân loại lại</i>	(3.936.829.643)	(23.949.162.245)	-	-	-	(27.885.991.888)
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(714.704.727)	(2.064.473.088)	(3.732.717.896)	(117.010.302)	-	(6.628.906.013)
- <i>Giảm theo TT45/2013/TT-</i>	(27.851.987)	(616.063.534)	(14.206.419)	-	-	(658.121.940)
BTC						
Số dư cuối năm	79.952.016.391	30.396.749.045	285.196.858.904	1.784.531.267	36.459.091	397.366.614.698
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	17.720.730.425	18.924.931.837	40.473.476.671	161.112.716	31.196.656	77.311.448.305
Số tăng trong năm	3.163.499.732	2.967.300.052	18.610.048.826	470.669.754	5.262.435	25.216.780.799
- <i>Khấu hao trong năm</i>	3.163.499.732	2.967.300.052	9.366.845.791	48.003.300	5.262.435	15.550.911.310
- <i>Phân loại lại</i>	-	-	9.243.203.035	422.666.454	-	9.665.869.489
Số giảm trong năm	(1.668.798.032)	(10.744.526.517)	(1.554.959.899)	(117.010.302)	-	(14.085.294.750)
- <i>Phân loại lại</i>	(1.117.478.847)	(8.548.390.642)	-	-	-	(9.665.869.489)
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(547.273.635)	(2.052.767.444)	(1.550.277.090)	(117.010.302)	-	(4.267.328.471)
- <i>Giảm theo TT45/2013/TT-</i>	(4.045.550)	(143.368.431)	(4.682.809)	-	-	(152.096.790)
BTC						
Số dư cuối năm	19.215.432.125	11.147.705.372	57.528.565.598	514.772.168	36.459.091	88.442.934.354
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	65.929.203.494	37.409.370.135	219.933.485.930	84.858	5.262.435	323.277.406.852
Tại ngày cuối năm	60.736.584.266	19.249.043.673	227.668.293.306	1.269.759.099	-	308.923.680.344

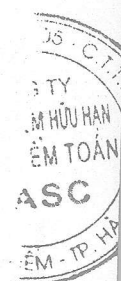
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 6.064.407.923 VND



Phụ lục 2 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của CSH VND	Vốn khác của CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	180.719.022.756	1.600.197.668	1.319.271.482	580.076.114	-	184.218.568.020
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	1.862.177.874	1.862.177.874
Tăng khác	-	-	580.076.114	-	362.517.390	942.593.504
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	317.850.263	-	(1.862.177.874)	(1.544.327.611)
Giảm khác	-	-	-	(580.076.114)	(362.517.390)	(942.593.504)
Số dư cuối năm trước	180.719.022.756	1.600.197.668	2.217.197.859	-	-	184.536.418.283
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	3.272.792.738	3.272.792.738
Điều chỉnh phân phối lợi nhuận năm 2013 (*)	-	-	50.050.246	-	2.677.664	52.727.910
Tăng vốn trong năm	234.285.455	-	(234.285.455)	-	-	-
Số dư cuối năm	180.953.308.211	1.600.197.668	2.032.962.650	-	3.275.470.402	187.861.938.931

(*) Lợi nhuận trong năm 2013 được phân phối theo Quyết định số 07/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên ngày 06/01/2015.



Số: 667/2015/BC.KTTC-AASC.KT1

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

**Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên (“Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế và phát hành Báo cáo kiểm toán vào ngày 28 tháng 03 năm 2015 trình bày ý kiến ngoại trừ về Báo cáo tài chính.

Trong quá trình kiểm toán Báo cáo tài chính, chúng tôi cũng xem xét tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ đối với việc tuân thủ các yêu cầu có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu đến Báo cáo tài chính cũng như hệ thống kiểm soát nội bộ của Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hữu hiệu đối với Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán phù hợp với yêu cầu của Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế về các dịch vụ Đảm bảo (ISAE) 3000. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải có được sự hiểu biết về hệ thống kiểm soát nội bộ đối với các vấn đề tuân thủ có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu trên Báo cáo tài chính, cũng như hệ thống kiểm soát nội bộ đối với Báo cáo tài chính, kiểm tra và đánh giá hiệu quả thiết kế và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ và thực hiện các thủ tục khác mà chúng tôi cho là cần thiết trong bối cảnh của Công ty để có được đầy đủ bằng chứng thích hợp cho ý kiến của chúng tôi. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu thập được đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Do hạn chế vốn có của kiểm soát nội bộ đối với Báo cáo tài chính, bao gồm cả khả năng thông đồng hoặc kiểm soát không phù hợp, dẫn đến các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc sai sót có thể xảy ra và không thể ngăn ngừa hoặc phát hiện một cách thường xuyên. Ngoài ra, các kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ đối với Báo cáo tài chính trong tương lai cũng sẽ tùy thuộc vào các rủi ro mà hệ thống kiểm soát nội bộ chưa được cập nhật phù hợp, do những thay đổi về bối cảnh hoặc mức độ không tuân thủ với các chính sách, thủ tục đã được thiết lập.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu thập được đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, trên các khía cạnh trọng yếu, Ban Giám đốc Công ty đã duy trì hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ đảm bảo Báo cáo tài chính được lập không còn chứa đựng các vấn đề có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu.

Vấn đề khác

Báo cáo này lập trong khuôn khổ cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính của Dự án “Phát triển đô thị vừa và nhỏ miền Trung”, chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho Ngân hàng Phát triển Châu Á, Ban Giám đốc, Ban Quản lý Dự án và các bên liên quan trong khuôn khổ hợp đồng kiểm toán ký với Ban Quản lý Dự án.



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0725-2013-002-1

Phạm Anh Tuấn

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0777-2013-002-1

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2015

Số: 667/2015/BC.KTTC-AASC-KT1

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ TÍNH TUÂN THỦ

**Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên (“Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế và phát hành Báo cáo kiểm toán vào ngày 28 tháng 03 năm 2015 trình bày ý kiến ngoại trừ về Báo cáo tài chính.

Trong quá trình kiểm toán về Báo cáo tài chính, chúng tôi đã kiểm tra việc tuân thủ pháp luật, các quy định có liên quan đến hoạt động của Công ty có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 (“yêu cầu”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm tuân thủ luật pháp, các quy định có liên quan đến hoạt động của Công ty.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về việc tuân thủ các yêu cầu dựa trên các thủ tục của chúng tôi. Trách nhiệm của chúng tôi cũng bị giới hạn bởi các thử nghiệm tuân thủ các yêu cầu, nên sẽ không bao gồm toàn bộ các thử nghiệm tuân thủ tất cả các luật và quy định có thể áp dụng đối với Công ty.

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán phù hợp với yêu cầu của Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế về các dịch vụ đảm bảo (ISAE) 3000. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy định của đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch, thực hiện các thủ tục để có được sự đảm bảo hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu.

Dịch vụ đảm bảo cho việc báo cáo về tính tuân thủ với những yêu cầu có liên quan đến hoạt động của Công ty bao gồm các thủ tục thực hiện để thu thập các bằng chứng chứng minh mọi hoạt động của Công ty không còn chứa đựng những vi phạm trọng yếu về tính tuân thủ theo những yêu cầu này. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải có sự hiểu biết về hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến tính tuân thủ theo yêu cầu. Các thủ tục được lựa chọn phụ thuộc vào xét đoán của chúng tôi, bao gồm việc đánh giá các rủi ro mà Công ty có thể không tuân thủ các yêu cầu có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu đến Báo cáo tài chính. Các thủ tục của chúng tôi cũng bao gồm các thử nghiệm tuân thủ các yêu cầu mà chúng tôi cho là cần thiết để đảm bảo hợp lý rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu thập được đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên khía cạnh trọng yếu, Công ty đã tuân thủ pháp luật, các quy định có liên quan đến hoạt động của Công ty có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Vấn đề khác

Báo cáo này lập trong khuôn khổ cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính của Dự án “Phát triển đô thị vừa và nhỏ miền Trung”, chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho Ngân hàng Phát triển Châu Á, Ban Giám đốc Công ty, Ban Quản lý Dự án và các bên liên quan trong khuôn khổ hợp đồng kiểm toán ký với Ban Quản lý Dự án.



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0725-2013-002-1

Phạm Anh Tuấn

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0777-2013-002-1

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2015

2014

10/10/2014

Kính gửi: Ông Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên
Số 02/01 Đường Thống Nhất, Phường Phú Hòa, Thành phố Tuy Hòa

Trong quá trình làm việc của tôi tại Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên, tôi đã được giao nhiệm vụ quản lý tài chính của Công ty trong năm 2014. Trong quá trình làm việc, tôi đã thực hiện các công việc theo đúng quy định và đạt được các kết quả như sau:

THƯ QUẢN LÝ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Trong quá trình làm việc, tôi đã thực hiện các công việc theo đúng quy định và đạt được các kết quả như sau:

1. Công tác quản lý tài chính: Tôi đã thực hiện công tác quản lý tài chính của Công ty theo đúng quy định, đảm bảo tính chính xác và minh bạch. Các chỉ tiêu tài chính của Công ty đều đạt và vượt kế hoạch đề ra.

2. Công tác quản lý chi phí: Tôi đã thực hiện công tác quản lý chi phí của Công ty theo đúng quy định, đảm bảo tính tiết kiệm và hiệu quả. Các chi phí của Công ty đều được kiểm soát chặt chẽ và đúng mục đích.

3. Công tác quản lý thu nhập: Tôi đã thực hiện công tác quản lý thu nhập của Công ty theo đúng quy định, đảm bảo tính chính xác và minh bạch. Các khoản thu nhập của Công ty đều được ghi nhận đầy đủ và đúng hạn.

4. Công tác quản lý nợ: Tôi đã thực hiện công tác quản lý nợ của Công ty theo đúng quy định, đảm bảo tính đúng hạn và minh bạch. Các khoản nợ của Công ty đều được thanh toán đúng hạn.

5. Công tác quản lý thuế: Tôi đã thực hiện công tác quản lý thuế của Công ty theo đúng quy định, đảm bảo tính chính xác và minh bạch. Các khoản thuế của Công ty đều được nộp đúng hạn.

6. Công tác quản lý báo cáo tài chính: Tôi đã thực hiện công tác quản lý báo cáo tài chính của Công ty theo đúng quy định, đảm bảo tính chính xác và minh bạch. Các báo cáo tài chính của Công ty đều được trình bày rõ ràng và dễ hiểu.

7. Công tác quản lý lưu trữ tài liệu: Tôi đã thực hiện công tác quản lý lưu trữ tài liệu của Công ty theo đúng quy định, đảm bảo tính an toàn và bảo mật. Các tài liệu của Công ty đều được lưu trữ đầy đủ và đúng hạn.

8. Công tác quản lý nhân sự: Tôi đã thực hiện công tác quản lý nhân sự của Công ty theo đúng quy định, đảm bảo tính đúng đắn và hiệu quả. Các nhân viên của Công ty đều được phân công công việc đúng hạn.

9. Công tác quản lý pháp lý: Tôi đã thực hiện công tác quản lý pháp lý của Công ty theo đúng quy định, đảm bảo tính chính xác và minh bạch. Các văn bản pháp lý của Công ty đều được soạn thảo đầy đủ và đúng hạn.

10. Công tác quản lý khác: Tôi đã thực hiện các công việc khác của Công ty theo đúng quy định, đảm bảo tính chính xác và minh bạch.

Trên đây là báo cáo quản lý của tôi trong năm 2014. Tôi xin cam đoan rằng các số liệu và nội dung báo cáo là đúng và trung thực. Tôi xin cảm ơn Ông Chủ tịch Công ty đã tin tưởng và giao nhiệm vụ cho tôi.

Kính mong Ông Chủ tịch Công ty xem xét và chấp thuận báo cáo quản lý của tôi. Tôi xin cảm ơn Ông Chủ tịch Công ty rất nhiều.



Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2015

Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên
Số 05 Hải Dương, Thành phố Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên

Chúng tôi đã hoàn thành việc kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014. Trong quá trình kiểm toán, chúng tôi đã xem xét các quy trình kế toán và kiểm soát nội bộ, chúng tôi xin được trình bày những vấn đề cơ bản rút ra từ cuộc kiểm toán.

Việc xem xét quy trình kế toán và kiểm soát nội bộ giúp chúng tôi đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính của Công ty. Công việc này không nhằm phát hiện các điểm yếu, các gian lận hay vi phạm, mà để giúp chúng tôi hình thành ý kiến trên Báo cáo kiểm toán và do đó, không thể dựa vào những phát hiện này để khẳng định là không còn tồn tại những điểm yếu khác. Vì vậy, các nhận xét sau đây chỉ đề cập đến những vấn đề mà chúng tôi ghi nhận trong quá trình kiểm toán, và cũng không phải là tất cả những đề xuất có thể mà cuộc kiểm toán chuyên đề có thể đưa ra.

Chúng tôi xin gửi kèm theo đây các vấn đề mà chúng tôi ghi nhận trong quá trình kiểm toán cùng với các đề xuất. Chúng tôi đã thảo luận các vấn đề này với Ban Giám đốc và những ý kiến trả lời cũng đã được nêu trong Thư này. Nội dung cơ bản mà chúng tôi trình bày trong Thư này là:

1. Quản lý và hạch toán Quỹ Lương
2. Tình hình thực hiện các khuyến nghị năm trước

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Ban Quản lý dự án Phát triển đô thị vừa và nhỏ miền Trung và Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên trong thời gian thực hiện cuộc kiểm toán. Chúng tôi mong sẽ tiếp tục hợp tác làm việc với Quý Công ty trong việc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ trong thời gian tới.



Kính thư,
Cát Thị Hà
Phó Tổng Giám đốc

<i>Nội dung</i>	<i>Trang</i>
1 Quản lý và hạch toán Quỹ Lương	35
2 Tình hình thực hiện khuyến nghị năm trước	36

1. *Quản lý và hạch toán Quỹ Lương*

Kiểm tra và ảnh hưởng

Qua kiểm tra chúng tôi nhận thấy, Công ty đang trích thiếu quỹ lương trong năm 2014 theo hướng dẫn tại Thông tư 18/2013/TT-BLĐTBXH và Thông tư 19/2013/TT-BLĐTBXH với tổng số tiền là 1.756.744.711 VND. Nguyên nhân là do Công ty thực hiện trích lương căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh thực tế trong năm 2014 cũng như mặt bằng tiền lương chung của địa phương. Điều này dẫn đến chi phí lương chưa được phản ánh đầy đủ vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

Khuyến nghị

Chúng tôi khuyến nghị đơn vị cần tính lương phù hợp với quy định tại Thông tư 18/2013/TT-BLĐTBXH và Thông tư 19/2013/TT-BLĐTBXH dựa trên mức lợi nhuận thực tế giữa năm nay và năm trước liền kề. Đồng thời, quỹ tiền lương của Công ty cũng cần phải trình lên cơ quan quản lý cấp trên phê duyệt theo đúng thẩm quyền.

Ý kiến của Công ty

Công ty đồng ý với khuyến nghị của Kiểm toán viên

2. *Tình hình thực hiện các kiến nghị năm trước*

<u>STT</u>	<u>Khuyến nghị</u>	<u>Thực hiện năm nay</u>
1	Đánh số thứ tự phiếu thu, phiếu chi theo năm tài chính	Chưa thực hiện
2	Phân bổ chi phí kể từ ngày phát sinh	Đã thực hiện
3	Ghi nhận doanh thu và xuất hóa đơn trong tháng ghi đồng hồ nước	Chưa thực hiện

